

**DANH SÁCH ĐIỂM KIỂM TRA TIN HỌC QUỐC GIA TRÌNH ĐỘ A**  
**Khóa kiểm tra ngày 15 tháng 08 năm 2015**  
**Địa điểm: Trung tâm Công nghệ thông tin**

| STT | SBD      | Họ tên                 | Giới tính | Ngày sinh  | Nơi sinh          | Điểm LT | Điểm TH |       |         | Điểm TB | Kết quả | Xếp loại   | Ghi chú |
|-----|----------|------------------------|-----------|------------|-------------------|---------|---------|-------|---------|---------|---------|------------|---------|
|     |          |                        |           |            |                   |         | word    | excel | Tổng TH |         |         |            |         |
| 1   | 15050001 | Nguyễn Thị An          | Nữ        | 20/02/1996 | Bình Dương        | 9.50    | 3.50    | 1.50  | 5.00    | 7.50    | Đậu     | Trung bình |         |
| 2   | 15050002 | Lê Thị Ngọc Ánh        | Nữ        | 20/09/1996 | Bình Dương        | 10.00   | 3.00    | 4.00  | 7.00    | 8.50    | Đậu     | Giỏi       |         |
| 3   | 15050003 | Trịnh Ngọc Ánh         | Nữ        | 25/11/1994 | Hải Dương         | 7.50    | 2.00    | 1.00  | 3.00    | 5.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 4   | 15050004 | Phùng Hải Bằng         | Nam       | 01/04/1994 | Bình Dương        | 8.00    | 1.50    | 1.00  | 2.50    | 5.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 5   | 15050005 | Nguyễn Phạm Bảo Châu   | Nữ        | 14/02/1996 | Bình Dương        | 8.50    | 4.00    | 1.25  | 5.50    | 7.00    | Đậu     | Trung bình |         |
| 6   | 15050006 | Trần Thị Kim Chi       | Nữ        | 16/08/1996 | Bình Dương        | 9.00    | 3.00    | 4.00  | 7.00    | 8.00    | Đậu     | Giỏi       |         |
| 7   | 15050007 | Trương Kiều Chi        | Nữ        | 15/06/1995 | Ninh Thuận        | 8.50    | 3.00    | 3.00  | 6.00    | 7.50    | Đậu     | Khá        |         |
| 8   | 15050008 | Phan Thị Kim Chung     | Nữ        | 04/09/1995 | Quảng Ngãi        | 7.00    | 4.00    | 1.00  | 5.00    | 6.00    | Đậu     | Trung bình |         |
| 9   | 15050009 | Nguyễn Thị Kim Cương   | Nữ        | 14/07/1995 | Đồng Tháp         | 9.50    | 3.00    | 0.25  | 3.50    | 6.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 10  | 15050010 | Lê Thị Anh Đào         | Nữ        | 24/10/1995 | Bà Rịa - Vũng Tàu | 5.00    | 3.00    | 1.25  | 4.50    | 5.00    | Rớt     | Yếu        |         |
| 11  | 15050011 | Bùi Thị Anh Đào        | Nữ        | 01/07/1991 | Bình Dương        | 10.00   | 3.25    | 1.50  | 5.00    | 7.50    | Đậu     | Trung bình |         |
| 12  | 15050012 | Nguyễn Thị Dung        | Nữ        | 10/06/1995 | Nghệ An           | 9.50    | 1.00    | 0.25  | 1.50    | 5.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 13  | 15050013 | Nguyễn Thị Thùy Dương  | Nữ        | 12/02/1996 | Sông Bé           | 10.00   | 3.50    | 2.50  | 6.00    | 8.00    | Đậu     | Khá        |         |
| 14  | 15050014 | Ngô Thị Thùy Dương     | Nữ        | 08/08/1996 | Sông Bé           | 9.50    | 1.50    | 2.00  | 3.50    | 6.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 15  | 15050015 | Nguyễn Khánh Duy       | Nam       | 07/04/1993 | Bình Dương        | 9.50    | 2.00    | 1.50  | 3.50    | 6.50    | Rớt     | Yếu        |         |
| 16  | 15050016 | Võ Thị Hồng Gấm        | Nữ        | 24/12/1995 | Bình Dương        | 10.00   | 3.00    | 1.00  | 4.00    | 7.00    | Rớt     | Yếu        |         |
| 17  | 15050017 | Nguyễn Minh Hải        | Nam       | 28/03/1994 | Đắk Lắk           | 8.00    | 3.50    | 3.50  | 7.00    | 7.50    | Đậu     | Khá        |         |
| 18  | 15050018 | Nguyễn Ngọc Hân        | Nữ        | 04/07/1995 | Bình Dương        | 9.50    | 3.50    | 1.50  | 5.00    | 7.50    | Đậu     | Trung bình |         |
| 19  | 15050019 | Trương Thị Lệ Hằng     | Nữ        | 09/10/1996 | Sông Bé           | 7.50    | 2.00    | 2.00  | 4.00    | 6.00    | Rớt     | Yếu        |         |
| 20  | 15050020 | Nguyễn Thị Ngọc Hằng   | Nữ        | 31/03/1995 | Tp.HCM            | 10.00   | 3.00    | 2.00  | 5.00    | 7.50    | Đậu     | Trung bình |         |
| 21  | 15050021 | Nguyễn Thị Phương Hạnh | Nữ        | 20/01/1996 | Sông Bé           | 10.00   | 4.50    | 3.50  | 8.00    | 9.00    | Đậu     | Giỏi       |         |

|    |          |                         |     |            |            |       |      |      |      |      |     |            |  |
|----|----------|-------------------------|-----|------------|------------|-------|------|------|------|------|-----|------------|--|
| 22 | 15050022 | Nguyễn Thị Mỹ Hạnh      | Nữ  | 28/09/1980 | Bình Phước | 9.00  | 0.00 | 0.00 | 0.00 | 4.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 23 | 15050023 | Trần Thị Minh Hiếu      | Nữ  | 11/11/1996 | Bình Dương | 9.00  | 2.00 | 3.00 | 5.00 | 7.00 | Đậu | Trung bình |  |
| 24 | 15050024 | Nguyễn Thị Hoài         | Nữ  | 24/11/1996 | Sông Bé    | 9.00  | 1.50 | 3.50 | 5.00 | 7.00 | Đậu | Trung bình |  |
| 25 | 15050025 | Phan Thị Kim Hoàng      | Nữ  | 18/11/1993 | Bình Dương | 9.50  | 2.00 | 3.50 | 5.50 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 26 | 15050026 | Nguyễn Văn Hùng         | Nam | 29/11/1995 | Đồng Tháp  | 9.00  | 2.00 | 1.50 | 3.50 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 27 | 15050028 | An Thị Thúy Hường       | Nữ  | 02/09/1993 | Bình Dương | 8.00  | 2.00 | 4.00 | 6.00 | 7.00 | Đậu | Khá        |  |
| 28 | 15050029 | Phạm Thị Ngọc Huyền     | Nữ  | 08/08/1996 | Đắk Lắk    | 7.50  | 2.50 | 0.75 | 3.50 | 5.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 29 | 15050030 | Trần Thị Minh Khoa      | Nữ  | 10/09/1981 | Năng       | 8.00  | 2.50 | 2.50 | 5.00 | 6.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 30 | 15050031 | Đặng Trúc Lâm           | Nữ  | 30/11/1995 | Sông Bé    | 8.50  | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 31 | 15050032 | Nguyễn Thị Lan          | Nữ  | 07/07/1995 | Quảng Ngãi | 6.50  | 3.00 | 1.25 | 4.50 | 5.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 32 | 15050033 | Võ Thị Tố Linh          | Nữ  | 30/09/1995 | Gia Lai    | 8.50  | 2.50 | 2.50 | 5.00 | 7.00 | Đậu | Trung bình |  |
| 33 | 15050034 | Lê Văn Linh             | Nam | 09/07/1996 | Bình Thuận | 6.50  | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 5.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 34 | 15050035 | Trần Thị Thùy Linh      | Nữ  | 22/04/1996 | Bình Dương | 8.00  | 3.50 | 3.50 | 7.00 | 7.50 | Đậu | Khá        |  |
| 35 | 15050036 | Phùng Việt Linh         | Nam | 22/03/1990 | Thanh Hóa  | 5.50  | 2.00 | 2.00 | 4.00 | 5.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 36 | 15050037 | Nguyễn Thị Kim Loan     | Nữ  | 03/08/1995 | Bình Dương | 10.00 | 2.50 | 5.00 | 7.50 | 9.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 37 | 15050038 | Tổng Thị Lựu            | Nữ  | 15/06/1995 | Thanh Hóa  | 9.50  | 3.50 | 4.00 | 7.50 | 8.50 | Đậu | Giỏi       |  |
| 38 | 15050039 | Trần Thị Mai            | Nữ  | 25/08/1996 | Vĩnh Phúc  | 9.00  | 4.50 | 2.50 | 7.00 | 8.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 39 | 15050040 | Trần Thị Diễm My        | Nữ  | 18/01/1994 | Bình Định  | 9.50  | 2.00 | 0.50 | 2.50 | 6.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 40 | 15050041 | Huỳnh Hữu Nam           | Nam | 30/08/1994 | Tp.HCM     | 9.00  | 1.50 | 4.00 | 5.50 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 41 | 15050042 | Trần Thị Tuyết Nga      | Nữ  | 04/08/1991 | Đồng Nai   | 10.00 | 2.00 | 1.50 | 3.50 | 7.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 42 | 15050043 | Vũ Thị Nga              | Nữ  | 17/03/1995 | Nghệ An    | 9.50  | 2.50 | 2.50 | 5.00 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 43 | 15050044 | Nguyễn Thị Ngà          | Nữ  | 04/12/1994 | Đắk Lắk    | 9.00  | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 44 | 15050045 | Hoàng Thị Ngân          | Nữ  | 24/04/1994 | Thanh Hóa  | 5.50  | 3.50 | 1.50 | 5.00 | 5.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 45 | 15050046 | Nguyễn Như Thủy Ngân    | Nữ  | 10/09/1996 | Bình Dương | 8.50  | 2.00 | 2.50 | 4.50 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 46 | 15050047 | Nguyễn Hữu Nghĩa        | Nam | 11/05/1992 | Bình Dương | 8.50  | 4.00 | 3.50 | 7.50 | 8.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 47 | 15050048 | Nguyễn Thị Ngọc         | Nữ  | 01/08/1996 | Hà Tĩnh    | 8.00  | 2.50 | 2.50 | 5.00 | 6.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 48 | 15050049 | Hồ Thị Bảo Ngọc         | Nữ  | 18/09/1989 | Đắk Lắk    | 10.00 | 3.50 | 4.50 | 8.00 | 9.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 49 | 15050050 | Nguyễn Võ Hạnh Nguyên   | Nữ  | 08/08/1995 | Tây Ninh   | 9.00  | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 50 | 15050051 | Phạm Thanh Nhân         | Nữ  | 17/06/1995 | Tây Ninh   | 8.00  | 2.50 | 2.00 | 4.50 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 51 | 15050052 | Nguyễn Thị Huỳnh Như    | Nữ  | 21/09/1996 | Bình Dương | 9.00  | 2.00 | 1.50 | 3.50 | 6.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 52 | 15050053 | Hồ Thị Tâm              | Nữ  | 16/08/1995 | Nghệ An    | 7.50  | 3.00 | 2.00 | 5.00 | 6.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 53 | 15050054 | Nguyễn Hồng Phương Thảo | Nữ  | 17/07/1993 | Bình Dương | 7.50  | 3.00 | 2.00 | 5.00 | 6.50 | Đậu | Trung bình |  |

|    |          |                         |     |            |            |       |      |      |      |      |     |            |  |
|----|----------|-------------------------|-----|------------|------------|-------|------|------|------|------|-----|------------|--|
| 54 | 15050055 | Bùi Thị Thảo            | Nữ  | 09/03/1995 | Hải Hưng   | 10.00 | 3.00 | 2.00 | 5.00 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 55 | 15050057 | Võ Thị Thảo             | Nữ  | 25/06/1995 | Nghệ An    | 9.50  | 3.00 | 2.50 | 5.50 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 56 | 15050058 | Huỳnh Tấn Thế           | Nam | 20/03/1993 | Bình Thuận | 8.50  | 2.00 | 1.00 | 3.00 | 6.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 57 | 15050059 | Nguyễn Thị Tuyết Thiết  | Nữ  | 22/02/1996 | Bình Định  | 10.00 | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 7.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 58 | 15050060 | Đặng Công Vũ Thịnh      | Nam | 07/02/1993 | Đà Nẵng    | 9.50  | 3.00 | 2.00 | 5.00 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 59 | 15050061 | Nguyễn Thị Yên Thu      | Nữ  | 30/07/1994 | Bình Dương | 7.00  | 2.50 | 2.50 | 5.00 | 6.00 | Đậu | Trung bình |  |
| 60 | 15050062 | Nguyễn Thị Thu          | Nữ  | 11/04/1994 | Bình Phước | 8.50  | 1.00 | 0.50 | 1.50 | 5.00 | Rớt | Yếu        |  |
| 61 | 15050063 | Nguyễn Văn Thuận        | Nam | 21/07/1991 | Quảng Ngãi | 7.00  | 3.00 | 1.00 | 4.00 | 5.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 62 | 15050064 | Bùi Thị Thu Thủy        | Nữ  | 16/06/1993 | Hải Phòng  | 8.50  | 3.50 | 3.50 | 7.00 | 8.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 63 | 15050065 | Nguyễn Thị Thuyên       | Nữ  | 22/03/1985 | Hà Nội     | 9.50  | 4.50 | 0.50 | 5.00 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 64 | 15050066 | Lê Thị Huyền Trang      | Nữ  | 07/01/1993 | Ninh Bình  | 9.50  | 4.00 | 2.50 | 6.50 | 8.00 | Đậu | Khá        |  |
| 65 | 15050067 | Nguyễn Minh Cao Triết   | Nam | 07/01/1983 | Đồng Tháp  | 10.00 | 4.00 | 3.50 | 7.50 | 9.00 | Đậu | Giỏi       |  |
| 66 | 15050068 | Đào Thị Diễm Trinh      | Nữ  | 08/04/1995 | Bình Phước | 8.50  | 2.50 | 3.50 | 6.00 | 7.50 | Đậu | Khá        |  |
| 67 | 15050069 | Trần Thị Tuyết Trinh    | Nữ  | 02/10/1995 | Bình Thuận | 9.50  | 3.00 | 3.00 | 6.00 | 8.00 | Đậu | Khá        |  |
| 68 | 15050070 | Mâu Lê Thanh Trúc       | Nữ  | 01/02/1983 | Bình Dương | 8.00  | 2.00 | 3.00 | 5.00 | 6.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 69 | 15050071 | Vũ Thị Tú               | Nữ  | 20/03/1996 | Bình Phước | 8.00  | 3.00 | 3.50 | 6.50 | 7.50 | Đậu | Khá        |  |
| 70 | 15050072 | Trần Thị Ngọc Như Tuyết | Nữ  | 25/09/1993 | Đắk Lắk    | 5.50  | 3.00 | 0.50 | 3.50 | 4.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 71 | 15050073 | Nguyễn Thị Cẩm Vân      | Nữ  | 11/09/1996 | Sông Bé    | 10.00 | 3.50 | 1.50 | 5.00 | 7.50 | Đậu | Trung bình |  |
| 72 | 15050074 | Lê Thị Yên              | Nữ  | 07/10/1989 | Thanh Hóa  | 7.00  | 2.50 | 1.50 | 4.00 | 5.50 | Rớt | Yếu        |  |
| 73 | 15050027 | Nguyễn Thị Minh Hường   | Nữ  | 20/09/1992 | Khánh Hòa  | VẮNG  |      |      |      |      |     |            |  |
| 74 | 15050056 | Đào Nguyên Hồng Thảo    | Nữ  | 03/01/1996 | Tp.HCM     |       |      |      |      |      |     |            |  |

Tổng số thí sinh theo danh sách: **74**

Tổng số thí sinh dự thi: **72**

Tổng số thí sinh vắng thi: **02**

Tổng số thí sinh đạt: **43**

Tổng số thí sinh hỏng: **29**

**LẬP BẢNG**

**GIÁM ĐỐC**

**Phan Thị Ngọc Diệp**

**Tô Vĩnh Bảo**